

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số nội dung về quy trình xây dựng,
thẩm định, trình ban hành các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC; Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02/01/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 38/2012/NQ-HĐND ngày 24/8/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng hoạt động kỳ họp của Hội đồng nhân dân tỉnh;

Xét đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 2761/STC-NS ngày 24/10/2014 (sau khi thống nhất với các Sở, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã);

Ý kiến của Thường trực HĐND tỉnh tại Văn bản 200/HĐND ngày 27/6/2014; của Ban Kinh tế Ngân sách HĐND tỉnh tại Văn bản số 404/HĐND-KTNS ngày 23/10/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số nội dung về quy trình xây dựng, thẩm định, trình ban hành các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành;

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

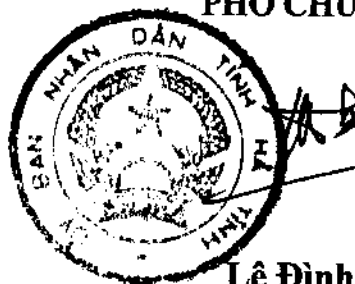
- Như Điều 2;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBNDTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Chánh, các PVP UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo Tin học - VP UBND tỉnh;
- Lưu VT, TH₂.

Gửi:

- + VB giấy: Sở TC và TP không nhận bản ĐT;
- + Bản ĐT gửi các thành phần khác.

Jm

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Đình Sơn

www.LuatVietnam.vn

QUY ĐỊNH

Một số nội dung về quy trình xây dựng, thẩm định,
trình ban hành các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
thuộc thẩm quyền quyết định HĐND tỉnh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3235/QĐ-UBND ngày 29/10/2014 của UBND tỉnh)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục tiêu.

1. Đảm bảo việc ban hành, quản lý các khoản phí, lệ phí thống nhất, dân chủ, công bằng, công khai, đúng quy định pháp luật và phù hợp với điều kiện thực tiễn.

2. Nâng cao ý thức, trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân thực hiện thu phí, lệ phí; các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã trong việc tham mưu ban hành và quản lý các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng.

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về trách nhiệm và trình tự thủ tục xây dựng, thẩm định, trình ban hành các loại phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh.

2. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân thực hiện thu phí, lệ phí; các Sở, ban, ngành; UBND các huyện, thành phố, thị xã; các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Phân công chủ trì tổng hợp, xây dựng Phương án bổ sung, điều chỉnh hoặc bãi bỏ một số loại phí, lệ phí.

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

- Phí đo đạc, lập bản đồ địa chính;
- Phí thẩm định cấp quyền sử dụng đất;
- Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai;
- Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Phí vệ sinh;
- Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước, công trình thủy lợi;
- Phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất;
- Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất;
- Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm;
- Phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt; đối với chất thải rắn; đối với khai thác khoáng sản;
- Lệ phí địa chính;
- Lệ phí cấp giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất;
- Lệ phí cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt;
- Lệ phí cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước;
- Lệ phí cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi;
- Lệ phí đăng ký giao dịch bảo đảm.

2. Sở Xây dựng:

- Lệ phí cấp giấy phép xây dựng;
- Lệ phí cấp biên số nhà.

3. Sở Giao thông Vận tải:

- Phí qua cầu;
- Phí qua đò;
- Phí qua phà;
- Phí sử dụng hè đường, lòng đường, lề đường, bến, bãi, mặt nước;
- Lệ phí cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch:

- Phí thư viện;
- Phí tham quan danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử, công trình văn hóa;
- Phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô tại các khu Danh lam thắng cảnh; Công trình văn hóa; Di tích lịch sử; Đền, Chùa trên địa bàn nơi có phát sinh dịch vụ trông giữ phương tiện.

5. Sở Công thương:

- Phí Chợ;
- Phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô tại Chợ loại 1;
- Phí thẩm định cấp phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp;
- Lệ phí cấp giấy phép hoạt động điện lực;

6. Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Lệ phí cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cung cấp thông tin về đăng ký kinh doanh.

7. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn:

- Phí sử dụng cảng cá;

- Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống.

8. Sở Tư pháp:

- Lệ phí hộ tịch.

9. Sở Lao động, Thương binh và Xã hội:

- Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

10. Sở Giáo dục và Đào tạo:

- Phí dự thi, dự tuyển.

11. Công an tỉnh:

- Lệ phí đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân.

12. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh:

- Phí sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng (thu đối với phương tiện ra, vào cửa khẩu), công trình dịch vụ và tiện ích công cộng khác trong Khu kinh tế cửa khẩu.

13. Cục Thuế tỉnh:

- Lệ phí trước bạ (đối với xe ô tô chở người dưới 10 chỗ ngồi).

14. UBND các huyện, thành phố, thị xã:

- Phí Chợ loại 2, loại 3;

- Phí trông giữ xe đạp, xe máy, ô tô tại các Chợ loại 2, loại 3; Siêu thị; Bệnh viện;

- Lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực.

15. Quỹ Bảo trì đường bộ:

- Phí sử dụng đường bộ (đối với xe mô tô).

16. Trung Tâm dịch vụ bán đấu giá tài sản tỉnh:

- Phí đấu giá.

17. Đối với các loại phí, lệ phí khác:

Trong quá trình triển khai thực hiện, ngoài các loại phí, lệ phí nêu trên, căn cứ tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ giao các ngành, các cấp, các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng Phương án bổ sung, điều chỉnh hoặc bãi bỏ các loại phí, lệ phí khác thuộc lĩnh vực quản lý.

Điều 4. Phương án bổ sung, điều chỉnh hoặc bãi bỏ các loại phí, lệ phí cần đảm bảo các nội dung sau:

1. Căn cứ pháp lý đề nghị bổ sung, điều chỉnh hoặc bãi bỏ các loại phí, lệ phí.
2. Đánh giá thực trạng; sự cần thiết phải bổ sung, điều chỉnh hoặc bãi bỏ.
3. Đối tượng, biểu so sánh mức thu cũ, mức mới, mức tối đa theo quy định; thuyết minh chi tiết cơ sở tính toán từ đó xác định mức thu đề nghị bổ sung, điều chỉnh; Cơ quan thu, tỷ lệ (%) để lại cho cơ quan thu và nộp ngân sách theo phân cấp quản lý (nếu có) và chế độ quản lý, sử dụng.
4. Những quy định sẽ bị thay thế nếu Phương án đề xuất được thông qua.

Điều 5. Quy trình xây dựng phương án thu phí, lệ phí; thẩm định và trình HĐND tỉnh.

1. Xây dựng phương án của cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì.
 - a. Trên cơ sở đề nghị bằng Văn bản của các cơ quan, đơn vị, cá nhân; cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì, căn cứ các quy định hiện hành và điều kiện thực tiễn chủ động rà soát, kiểm tra, tổng hợp, đề xuất xây dựng Phương án bổ sung, điều chỉnh hoặc bãi bỏ các khoản phí, lệ phí thuộc lĩnh vực quản lý.
 - b. Tổ chức hội nghị, hội thảo lấy ý kiến các tổ chức, các ngành, các đơn vị có liên quan (Có Văn bản tổng hợp ý kiến);
 - c. Hoàn thiện và đề xuất phương án cụ thể gửi Sở Tài chính trước khi khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh 45 ngày (Kèm theo các hồ sơ thuyết minh có liên quan).
2. Thẩm định phương án.
 - a. Trên cơ sở hồ sơ xây dựng phương án của cơ quan được giao nhiệm vụ chủ trì gửi đến; Sở Tài chính (hoặc là thành lập Hội đồng) để xem xét, thẩm định tính hợp pháp, hợp lý theo quy định; được quyền yêu cầu cơ quan chủ trì giải trình, thuyết minh và làm rõ các vấn đề liên quan (nếu có);
 - b. Sau khi thẩm định, Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh Dự thảo Tờ trình UBND tỉnh, Dự thảo Nghị quyết HĐND tỉnh và gửi Sở Tư pháp thẩm định;
 - c. Trên cơ sở ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Tài chính hoàn thiện Tờ trình, Dự thảo Nghị quyết và hồ sơ liên quan, báo cáo UBND tỉnh trước khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh 20 ngày;
 - d. Trong quá trình thực hiện, khi cần thiết các cơ quan chức năng mời các Ban HĐND tỉnh cùng tham gia để nâng cao chất lượng trong công tác xây dựng, thẩm định bổ sung, điều chỉnh hoặc bãi bỏ các loại phí, lệ phí.

3. Trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết về phí và lệ phí.

Ủy ban nhân dân tỉnh hoàn thiện Tờ trình, Dự thảo Nghị quyết và hồ sơ, tài liệu phục vụ cho công tác thẩm tra của các Ban HĐND tỉnh theo quy định, trình Hội đồng nhân dân tỉnh trước khai mạc kỳ họp HĐND tỉnh 15 ngày.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị.

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tổ chức thực hiện nghiêm túc Quy định này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc, các đơn vị, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh để xem xét, giải quyết. /

M

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
ĐẠI CHỦ TỊCH



Lê Đình Sơn

www.LuatVietnam.vn